

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25-3-2024

“V/v ly hôn giữa chị A-anh S”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Đức - Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Ngọc Tân.

Ông Đinh Thế Cần.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Đăng Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Lan A, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Lưu Xuân S, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt các đương sự)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Lan A trình bày: Chị và anh Lưu Xuân S tự nguyện tìm hiểu kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 16/12/2020, sau khi kết hôn vợ chồng cơ bản sống tại xã Đ và lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 7/2023 mâu thuẫn căng thẳng, anh S trở về nhà bố mẹ đẻ tại xã A sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị A khai vợ chồng có 01 con chung là Lưu Anh Th, sinh ngày 31/01/2021, con chung được chị A nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, ly hôn xảy ra chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu

cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị A khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Lưu Xuân S trình bày: Anh S xác nhận lời khai của chị A về điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị A.

Về con chung: Anh S xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị A đã khai. Nếu ly hôn xảy ra anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh S xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã xác minh:

- Ông Đỗ Anh T, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn Đô, xã Đ là bố đẻ chị A; Ông Đỗ Xuân R là trưởng thôn Đ, xã Đ đã cung cấp nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị A và anh S là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, hiện tại chị A đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung chu đáo kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Quan điểm của ông T và ông R đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng cuộc sống của con chung và Tòa án giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng thì sẽ đảm bảo cuộc sống của con chung.

- Ông Vũ Xuân Tr, sinh năm 1957 là công chức tư pháp xã A, huyện Quỳnh Phụ và ông Lưu Văn D, sinh năm 1965 và bà Vũ Thị O, sinh năm 1971, đều trú tại: thôn T, xã A, huyện Q (là bố mẹ đẻ của anh S) xác định: chị A, anh S tự nguyện tìm hiểu đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Q. Hiện nay anh S và chị A đang sống ly thân, anh S đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ ở xã A. Việc ly hôn anh S có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân và điều kiện thực tế để giải quyết. Anh S hiện là lao động tự do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn và bị đơn trong giai đoạn tố tụng và tại phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị A và anh S được thuận tình ly hôn. Về con chung: Xử giao con chung Lưu Anh Th, sinh ngày 31/01/2021 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Chị A và anh S không có tài sản chung vì vậy không đặt ra giải quyết. Chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Đỗ Thị Lan A và anh Lưu Xuân S là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã A, huyện Quỳnh Phụ nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, con chung. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Lan A và anh Lưu Xuân S được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A vào ngày 16/12/2020 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn cả hai cơ bản sinh sống tại gia đình chị A và lao động tự do, trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Tháng 7/2023 mâu thuẫn càng tăng, anh S trở về gia đình bố mẹ đẻ tại xã A sinh sống, hai bên sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị A làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn anh S. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, để hai bên có cơ hội trở về đoàn tụ, nhưng cả chị A và anh S đều đề nghị xin được thuận tình ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay các bên vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị xin được ly hôn, điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị A và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 55 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị A và anh S được thuận tình ly hôn là có căn cứ.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng của các đương sự về nuôi dưỡng con chung cho thấy, chị A và anh S có 01 con chung là Lưu Anh Th, sinh ngày 31/01/2021. Qua xác minh cho thấy con chung được chị A trực tiếp nuôi dưỡng chu đáo kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu Thư là con gái, vẫn còn nhỏ và đang sinh sống ổn định tại thôn Đ, xã Đ cùng chị A. Hiện tại chị A làm công nhân có thu nhập ổn định trên 08 triệu đồng/1 tháng, có điều kiện chăm sóc con chung. Đối với anh S khai hiện tại anh lao động tự do, buôn bán quần áo tại Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định thu nhập 30.000.000đồng/1 tháng nhưng anh không có căn cứ nào chứng minh. Xác minh lời khai của thân nhân chị A và trưởng thôn Đ, xã Đ đều có ý kiến đề nghị giao con chung cho chị A nuôi dưỡng thì sẽ đảm bảo cuộc sống con chung. Vì vậy cần giao con chung cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng, chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị A và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị A và anh S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Lan A và anh Lưu Xuân S được thuận tình ly hôn.

2/Về con chung: Xử giao con chung Lưu Anh Th, sinh ngày 31/01/2021 cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Lan A và anh Lưu Xuân S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền chị A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004561 ngày 28/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị A và anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ.
- UBND xã A.
- Người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC